

Appendix VI

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)

(Issued with the Decision No. 21/QĐ-SGDVN on 21/12/2021 of the CEO of Vietnam Exchange on the Information Disclosure Regulation of Vietnam Exchange)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ

VẬN TẢI SAFI

-----☪☪☪☪-----

Số: 02/CBTT-2024

No.: 02/CBTT-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

TP.HCM, ngày 08 tháng 03 năm 2024

HCMC, day 08 month 03 year 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/Name of organization: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code: SFI

- Địa chỉ/Address: 209 Nguyễn Văn Thủ - Phường Đa Kao – Quận 1 – Tp. Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 028.38238799 Fax: 028.38226283

- E-mail: dang.hang@safi.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

- Báo cáo thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Đại lý Vận tải SAFI

(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)/In case of correction or replacement of previously disclosed information, explanation is needed)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 08/03/2023 tại đường dẫn <http://safi.com.vn/vi-VN/annoucement.aspx> /This



information was published on the company's website on 08/03/2024 (date), as in the link <http://saficom.vn/vi-VN/annoucement.aspx>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/*Attached documents:*

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Legal representative/ Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

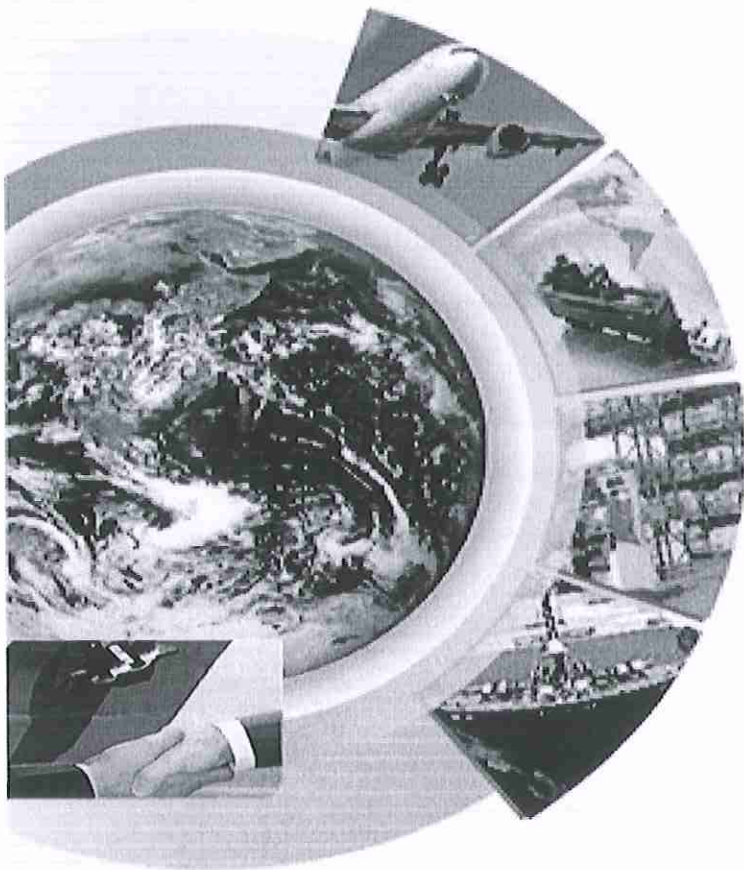
(Signature, full name, position, and seal)

Người UQ CBTT



NGUYỄN HOÀNG ANH





SAFI - SAFI - SAFI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Trụ sở chính: Số 209 Nguyễn Văn Thù, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

Website: www.safi.com.vn - Email: info.sgn@safi.com.vn - Tel: (84 - 028) 3823 8799



MỤC LỤC

I.	THÔNG TIN CHUNG	1
1.	Thông tin khái quát	1
	Quá trình hình thành và phát triển	1
2.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	2
3.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	4
4.	Định hướng phát triển	6
4.1	Mục tiêu chủ yếu của Công ty	6
4.2	Chiến lược tập trung	6
4.3	Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.....	7
5.	Các rủi ro.....	7
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	7
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	7
2.	Tổ chức và nhân sự	9
3.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:	11
4.	Tình hình tài chính	13
5.	Cơ cấu cổ đông/ thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	14
6.	Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	15
III.	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	16
1.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	16
2.	Tình hình tài chính Công ty đến thời điểm 31/12/2023	18
3.	Kế hoạch phát triển trong tương lai	19
4.	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	19
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	19
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	19
2.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty	20
3.	Các kế hoạch định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024:.....	21
V.	QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	21
1.	Hội đồng quản trị	21

2.	Ban Kiểm soát.....	22
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT - Ban TGD - BKS	22
VI.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	24
1.	Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán cho năm tài chính 2023 của Công ty.	24
2.	Ý kiến kiểm toán:	24
3.	Báo cáo tài chính được kiểm toán:.....	24

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301471330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 38 ngày 16/01/2023.
- Vốn điều lệ: 238.160.460.000 đồng
- Mã chứng khoán: SFI
- Địa chỉ: 209 Nguyễn Văn Thủ, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại: (84 – 028) 3823 8799
- Số fax: (84 – 028) 3822 6283
- Website: www.safi.com.vn

Quá trình hình thành và phát triển

- 1992 Thành lập Công ty, chính thức đi vào hoạt động vào tháng 11 năm 1992;
- 1994 Hội viên liên kết chính thức của các Hiệp hội FIATA, IATA, VISABA;
- 1995 Mở rộng phạm vi hoạt động, thành lập chi nhánh Hà Nội;
- 1998 Chuyển đổi thành Công ty cổ phần với vốn điều lệ 6,2 tỷ đồng;
Thành lập công ty liên doanh COSFI;
- 2000 Phát triển trên nhu cầu thị trường, thành lập chi nhánh Đà Nẵng
- 2001 Tiếp tục phát huy thế mạnh, thành lập xí nghiệp ở Hải Phòng chuyên về đại lý container, vận tải giao nhận;
- 2004 Đầu tư chiến lược, thành lập Liên doanh Yusen-Việt Nam;
Đưa vào khai thác kho bãi có diện tích 2500m² tại Quận 7, Tp.HCM;
- 2005 Thành viên hiệp hội HHGFAA của Mỹ về dịch vụ di chuyển và đại lý vận tải;
- 2006 Chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM;
- 2007 Tăng vốn điều lệ lên 11,39 tỷ đồng;
- 2008 Tăng vốn điều lệ lên 27,63 tỷ đồng;
- 2009 Sở hữu trực tiếp công ty con SITC Việt Nam;
Tăng vốn điều lệ 82,89 tỷ đồng;
- 2013 Vinh dự lọt vào top 10 doanh nghiệp nhỏ và vừa tốt nhất Châu Á do Forbes bình chọn;
Đưa Tòa nhà cao ốc SAFI tại địa chỉ 209 Nguyễn Văn Thủ, quận 1, Tp. Hồ Chí

- Minh chính thức đi vào hoạt động;
Thành lập công ty con Đại lý Vận tải COSFI với tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ;
- 2014 Tăng vốn điều lệ lên 103 tỷ đồng;
Thành lập công ty con “Công ty TNHH MTV Đầu tư hạ tầng SAFI với tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ”
- 2015 Tăng vốn điều lệ lên 108 tỷ đồng;
- 2016 Tăng vốn Công ty con “Công ty TNHH MTV Đầu tư hạ tầng SAFI với tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ (từ 6 tỷ lên 60 tỷ đồng);
Tăng vốn điều lệ lên 113 tỷ đồng;
- 2017 Tăng vốn điều lệ lên 119 tỷ đồng;
Tăng vốn Công ty con “Công ty TNHH Đại lý Vận tải SAFI với tỷ lệ sở hữu 69% vốn điều lệ (từ 1 tỷ lên 2,27 tỷ đồng);
- 2018 Tăng vốn điều lệ lên 125 tỷ đồng;
- 2019 Tăng vốn điều lệ lên 143 tỷ đồng;
- 2020 Tăng vốn điều lệ lên 150 tỷ đồng;
- 2021 Tăng vốn điều lệ lên 157 tỷ đồng;
- 2022 Tăng vốn điều lệ lên 238 tỷ đồng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

SAFI khởi nghiệp kinh doanh từ năm 1992 chỉ với 22 nhân viên cốt cán, công ty thực hiện các dịch vụ vận chuyển đường biển và vận tải nội địa. Theo xu hướng phát triển toàn diện công ty, đa dạng hóa nhiều loại hình dịch vụ, phát triển thành nhiều ngành nghề kinh doanh cốt lõi như:

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

- Chi tiết: Đại lý vận tải; Đại lý ủy thác quản lý container và giao nhận hàng hóa; Khai thác, thu gom hàng hóa và vận tải nội địa; Đại lý tàu biển; Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; Dịch vụ hàng hải và cung ứng tàu biển; Hoạt động của các đại lý vé máy bay (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không)

Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

- Chi tiết: Kinh doanh khai thác kho bãi

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

- Chi tiết: Vận tải hàng hóa quá cảnh đi Lào, Campuchia và ngược lại (chỉ thực hiện khi có đầy đủ hàng hóa quá cảnh); Vận tải đa phương thức quốc tế (trừ khí hóa lỏng để vận chuyển)

Dịch vụ đóng gói

- Chi tiết: Đóng gói bao bì hàng hóa (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)

Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu

- Chi tiết: Sản xuất bao bì, chèn lót (không hoạt động tại trụ sở)

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng làm việc
- Chuyển phát
Chi tiết: Chuyển phát nhanh hàng hóa
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
Chi tiết: Mua bán đồ gỗ nội thất, quần áo may sẵn, giày dép; mua bán gốm sứ, sơn mài và hàng thủ công mỹ nghệ; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Mua bán bao bì, chèn lót; Mua bán vỏ container
- Bán buôn thực phẩm tươi sống, hàng thủy hải sản (không hoạt động tại trụ sở)
Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Chi tiết: bán kim khí điện máy, điện tử, điện lạnh và phụ kiện
(Theo quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương, doanh nghiệp không được phân phối vật phẩm đã ghi hình trên mọi chất liệu bao gồm danh mục sản phẩm phần cứng và phần mềm, điện tử theo quy định của Bộ Thông tin truyền thông trừ trường hợp pháp luật cho phép.
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện
Chi tiết: Sản xuất, gia công, lắp ráp đồ gỗ gia dụng (không sản xuất, gia công tại trụ sở)
- May trang phục (trừ trang phục từ lông da thú)
Chi tiết: Sản xuất gia công quần áo (không sản xuất gia công tại trụ sở)
- Sản xuất thiết bị điện khác
Chi tiết: Sản xuất, gia công máy móc, thiết bị, phụ kiện hàng điện tử, điện lạnh (không sản xuất gia công tại trụ sở)
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
Chi tiết: Mua bán động vật sống, bò sát (trừ kinh doanh động vật hoang dã thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia quy định và các loại động vật quý hiếm khác cần được bảo vệ (không hoạt động tại trụ sở)
- Cho thuê xe có động cơ
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại
Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại và quặng kim loại
(trừ mua bán vàng miếng, kim loại quý nằm trong danh mục hàng hóa không được thực hiện quyền phân phối tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương)
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
Chi tiết: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở)
- Đại lý môi giới và đấu giá hàng hóa



Chi tiết: Môi giới hàng hải, đại lý nhập khẩu ủy thác nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, đại lý phân phối nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh

Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển

Chi tiết: Cho thuê vỏ container

Đại lý du lịch

Chi tiết: Chỉ được nhận bán chương trình du lịch của doanh nghiệp kinh doanh lữ hành cho khách du lịch để hưởng hoa hồng;

- Chỉ được cung cấp dịch vụ đưa khách quốc tế vào Việt Nam (inbound) và lữ hành nội địa đối với khách vào du lịch Việt Nam như là một phần của du lịch đưa khách vào du lịch Việt Nam; không được kinh doanh dịch vụ đưa khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài (outbound);

Sản xuất giày dép

- Chi tiết: Sản xuất, gia công giày dép (không sản xuất gia công tại trụ sở)

Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng

- Các ngành nghề kinh doanh khác phù hợp với quy định pháp luật

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

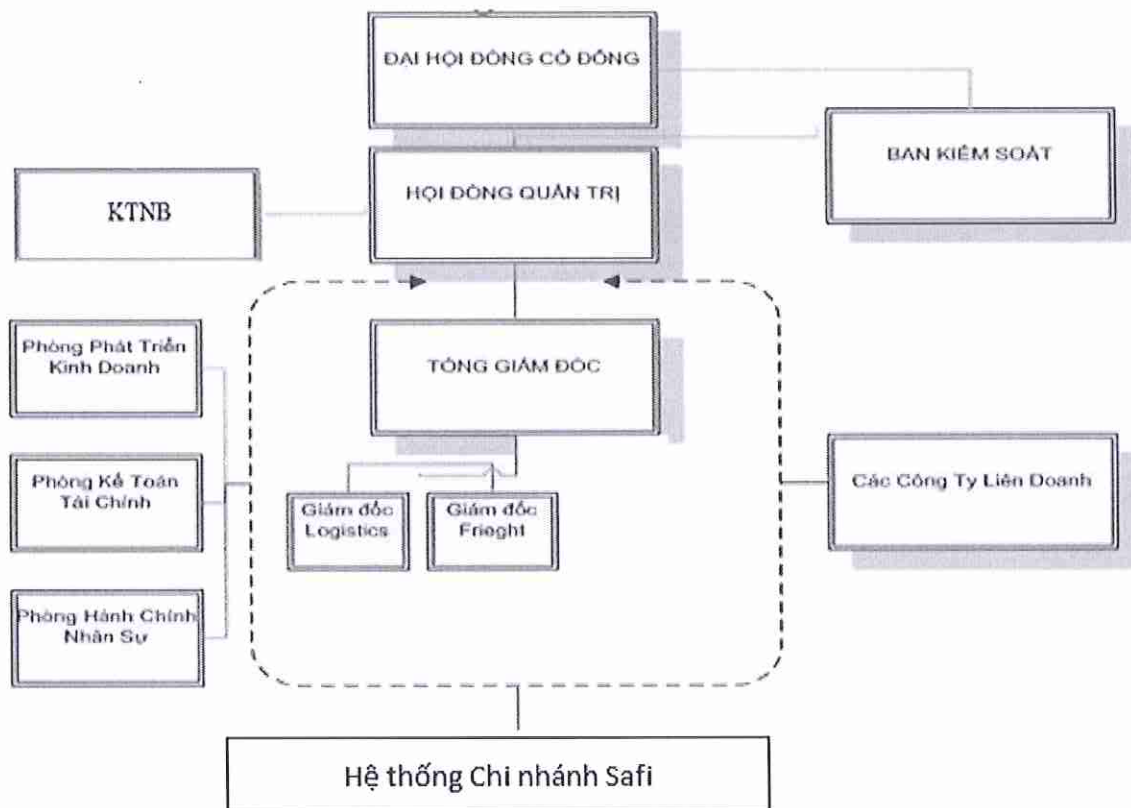
a. Cơ cấu bộ máy quản lý

Mô hình quản trị SAFI bao gồm: Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám đốc Công ty quản lý theo hàng dọc, cao nhất là Tổng Giám đốc, quản lý chung hoạt động Công ty đến Giám đốc Điều hành và các Giám đốc Khối, trưởng bộ phận chức năng.

Công ty hiện có 05 Chi Nhánh, đơn vị trực thuộc; 02 Công ty con và 04 Công ty liên doanh liên kết hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các dịch vụ vận tải và đại lý vận tải. Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc và có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.



SƠ ĐỒ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA SAFI



b. Các đơn vị/ chi nhánh trực thuộc

- + Chi nhánh Hà Nội
- + Chi nhánh Hải Phòng
- + Chi nhánh Đà Nẵng
- + Chi nhánh Bình Định
- + Chi nhánh Vũng Tàu

c. Các công ty con:

- + **Công ty TNHH Đại lý Vận tải COSFI**
 - o 209 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
 - o Vốn điều lệ: 2.270.000.000 đồng
 - o Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 69%
 - o Ngành nghề kinh doanh: Giao nhận và đại lý tàu biển
- + **Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng SAFI**
 - o 209 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
 - o Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng
 - o Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 100%
 - o Ngành nghề: Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng

d. Các công ty liên doanh liên kết

+ Công ty TNHH SITC Việt Nam

- 419-420-421, TD Business Center, lô 20A, Lê Hồng Phong, Tp Hải Phòng
- Vốn điều lệ: 7.114.348.903 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 51%
- Ngành nghề kinh doanh: Giao nhận và đại lý tàu biển
- Công ty không còn kiểm soát hoạt động kinh doanh của SITC nên công ty ghi nhận khoản đầu tư vào SITC Việt Nam là khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết.

+ Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam)

- 2A-4A Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.
- Vốn điều lệ: 9.668.400.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 45%
- Ngành nghề: Giao nhận và kinh doanh vận tải
- Công ty ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng MST

+ Công ty TNHH Dong Hong Logistics Đà Nẵng

- Lô 39 Đường số 2, Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng
- Ngành nghề: Giao nhận và kinh doanh vận tải
- Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 49%

+ Công ty TNHH Minh Toàn – SAFI

- 224 Võ Nguyên Giáp, Phường Phước Mỹ, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng
- Vốn điều lệ: 352.800.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 50%
- Ngành nghề: Dịch vụ lưu trú, khách sạn

4. Định hướng phát triển

4.1 Mục tiêu chủ yếu của Công ty

Phát triển bền vững ngành nghề kinh doanh cốt lõi; tìm kiếm các cơ hội hợp tác, đầu tư phát triển; mở rộng lĩnh vực hoạt động kinh doanh là nhiệm vụ hàng đầu trong chiến lược phát triển bền vững của SAFI. Khai thác hiệu quả các nguồn lực để tăng trưởng và phát triển bền vững, nâng cao giá trị doanh nghiệp.

4.2 Chiến lược tập trung

- Củng cố các thị trường truyền thống và mở rộng thị trường mới, tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng kho bãi, tiếp vận, Logistics;

- Phát huy tối đa nguồn nhân lực kết hợp công nghệ thông tin hiện đại làm nền tảng bền vững cho sự phát triển dịch vụ làm đại lý;
- Duy trì các thế mạnh dịch vụ vận tải sẵn có như đường hàng không, đường biển;
- Liên kết các dịch vụ khai quan, giao nhận, chủ trương mở rộng hoạt động chào bán hàng, khai thác tốt kho bãi theo hướng cung cấp dịch vụ trọn gói;
- Tiếp tục duy trì và mở rộng thị trường Đông Bắc Á, Bắc Mỹ, Châu Âu và Trung Quốc;
- Tìm kiếm các cơ hội hợp tác, đầu tư phát triển.
- Nắm bắt các chính sách của Nhà nước, Hiệp định Quốc tế để có định hướng phát triển đúng và phù hợp.

4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- Thực hiện việc phát triển doanh nghiệp gắn với bảo vệ môi trường như giảm mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, sử dụng nước, sử dụng năng lượng, hướng đến việc tăng cường sử dụng năng lượng thân thiện với môi trường.
- Tiếp tục triển khai các dự án đầu tư phát triển doanh nghiệp về cơ sở vật chất kỹ thuật, đảm bảo an toàn, tuân thủ các quy định trong việc khai thác vận hành kho bãi hàng hoá, công tác phòng chống cháy nổ, xử lý chất thải...
- Việc phát triển doanh nghiệp gắn với việc bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho người lao động, bảo đảm việc làm ổn định, tăng thu nhập, góp phần vào công tác an sinh xã hội, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động từ thiện...
- Quan tâm công tác đào tạo và đào tạo lại lao động đáp ứng yêu cầu công tác mới, xây dựng đội ngũ công nhân lành nghề có khả năng nắm bắt được công nghệ kỹ thuật cao, có tinh thần trách nhiệm cộng đồng.

5. Các rủi ro

a. Rủi ro kinh tế

Công ty chịu sự tác động các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế, để hạn chế rủi ro của các tác động này, Ban giám đốc công ty luôn thận trọng và hoạch định chiến lược phát triển phù hợp cho hoạt động của công ty.

b. Rủi ro kinh doanh

Công ty cũng chịu sự cạnh tranh, áp lực từ nhiều yếu tố, trong đó có rủi ro từ các công cụ tài chính, rủi ro về nhân sự, rủi ro trong lưu thông với vận chuyển đường bộ, rủi ro do cạnh tranh không lành mạnh của công ty đối thủ... do đó Công ty luôn phải cải thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ với mức giá cạnh tranh hợp lý đối với khách hàng.

c. Rủi ro bất khả kháng

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, dịch bệnh, bão lụt, sai sót do con người, v.v... là những rủi ro bất khả kháng, khó lường trước, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty luôn duy trì việc mua bảo hiểm trách nhiệm người Đại lý giao nhận vận tải và vật chất của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	2023 s/v 2022
1	Tổng giá trị tài sản	996.424.236.673	890.867.347.912	89,41%
2	Doanh thu thuần	1.724.364.161.804	1.017.527.242.605	59,01%
3	Lợi nhuận gộp	241.235.622.048	176.199.797.519	73,04%
4	Lợi nhuận trước thuế	267.319.485.869	127.853.384.633	47,83%
5	Lợi nhuận sau thuế	214.418.568.182	103.120.257.241	48,09%
6	LNST của Công ty mẹ	212.057.194.331	95.878.482.231	45,21%
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	83,32%	46,07%	55,62%
9	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.081	4.341	43,06%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023 của Công ty

– Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện so với kế hoạch 2023			So với năm 2022		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ Hoàn thành	Năm 2022	Năm 2023	Tăng giảm
1	Tổng doanh thu	1.500	1.017	68%	1.724	1.017	-41%
2	LNST của công ty mẹ	150	95,8	64%	212	95,8	-55%

- Tổng doanh thu đạt 1.017 tỷ đồng, đạt 68% kế hoạch năm và thấp hơn 41% so với cùng kỳ.
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 95,8 tỷ đồng, đạt 64% kế hoạch năm và thấp hơn 55% so với cùng kỳ.
- Kết quả kinh doanh trong năm của Công ty giảm so với kế hoạch do thị trường hàng hóa sụt giảm, giá cước hàng hóa, nhu cầu vận chuyển giảm mạnh, đặc biệt là nhu cầu vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không; Doanh thu tài chính giảm mạnh do giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu VSC.

1.2 Cơ cấu hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Logistic	Forwarding	Dịch vụ	Tổng cộng
----------	------------	---------	-----------

			đại lý	
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	660.073	324.985	32.468	1.017.527
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	124.287	46.396	5.516	176.199
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	1.557	1.557
Tài sản bộ phận trực tiếp	456.357	224.686	22.447	703.491
Tài sản không phân bổ				187.375
Tổng tài sản	456.357	224.686	22.447	890.867
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	93.105	48.411	4.683	146.200
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	9.987
Tổng nợ phải trả	93.105	48.411	4.683	156.187

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023 của Công ty

Tổng doanh thu các mảng dịch vụ của công ty trong năm bằng 59% so với cùng kỳ, tổng doanh thu đạt 1.017 tỷ đồng, lợi nhuận đạt hơn 176 tỷ đồng. Chi tiết cơ cấu hoạt động các mảng dịch vụ như sau:

- Doanh thu Logistic đạt 660 tỷ đồng, dịch vụ Logistic luôn đem lại lợi nhuận ổn định hằng năm của công ty. Tỷ trọng doanh thu Logistic chiếm 65% tổng doanh thu và tỷ suất lợi nhuận là 19%.
- Doanh thu Forwarding đạt 324 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 32 % trên tổng doanh thu, Lợi nhuận gộp đạt hơn 46 tỷ đồng là 14%.
- Doanh thu Dịch vụ đại lý hãng tàu, hoạt động khác là 32 tỷ đồng, tuy tỷ trọng trên tổng doanh thu chỉ chiếm 3% nhưng tỷ suất lợi nhuận đạt 16% ~5 tỷ đồng.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ CPSH
-	Ban Tổng Giám đốc:	01 người	
1	Nguyễn Hoàng Anh	Tổng Giám đốc - Người quản trị Công ty	4,20%

-	Cán bộ quản lý khác:	01 người	
1	Nguyễn Hoàng Dũng	Giám đốc Điều hành	5,34%
-	Kế toán trưởng		
1	Đặng Thị Thúy Hằng	Kế toán trưởng	0,03%

1. Ông: NGUYỄN HOÀNG ANH

Năm sinh: 1969

Trình độ chuyên môn: Hàng hải

Quá trình công tác:

Thời gian	Công ty/Tổ chức công tác	Chức vụ nắm giữ
Từ năm 1994 đến năm 1998	tại Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	Nhân viên
Từ năm 1998 đến năm 2016	Công ty TNHH Cosco Shipping Lines (Việt Nam)	Phó Giám đốc, Chủ tịch HĐQT Công ty Safi
Từ năm 2016 đến năm 2000	tại Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Từ 04/09/2020 đến nay	tại Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	PCT HĐQT - Tổng Giám đốc – Người phụ trách Quản trị Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc - Người phụ trách Quản trị Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

2. Ông: NGUYỄN HOÀNG DŨNG

Năm sinh: 1976

Trình độ chuyên môn: Kinh tế Hàng hải

Quá trình công tác:

Thời gian	Công ty/Tổ chức công tác	Chức vụ nắm giữ
Từ năm 2001 đến năm 2013	tại Công ty APLL Việt Nam	Trưởng phòng khách hàng
Từ năm 2013 đến nay	tại Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	Giám đốc Điều hành
Từ 04/09/2020 đến nay	Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	Chủ tịch HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

3. Bà ĐẶNG THỊ THÚY HẰNG

Sinh năm: 1989

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ tài chính

Quá trình công tác:

Thời gian	Công ty/Tổ chức công tác	Chức vụ nắm giữ
2016 - 2017	Công ty TNHH Cosco Shipping Lines (Việt Nam)	Phó phòng kế toán
2017 - 2021	Công ty TNHH Cosco Shipping Lines (Việt Nam)	Kế toán trưởng
2021 - 2023	Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi	Phó phòng kế toán
Từ 01/06/2023 đến nay	Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi	Kế toán trưởng

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

2.2 **Những thay đổi trong ban điều hành:** Bổ nhiệm kế toán trưởng là bà Đặng Thị Thúy Hằng thay thế ông Nguyễn Thanh Tuyền nghỉ việc từ tháng 6 năm 2023.

2.3 **Số lượng cán bộ, nhân viên:**

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2023 là 372 người.

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
A. Phân theo đối tượng lao động	372	100%
- Lao động trực tiếp	361	97%
- Lao động gián tiếp	11	3%
B. Phân theo trình độ lao động	372	100%
- Trình độ đại học và trên đại học	301	81%
- Trình độ trung cấp và cao đẳng	60	16%
- Lao động phổ thông	11	3%

3. **Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

3.1 **Tình hình dự án, đầu tư lớn trong năm:** Không có

3.2 **Tình hình đầu tư các công ty con, công ty liên kết:**

Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh liên kết:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	Tại ngày 31/12/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn CSH	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn CSH
Công ty TNHH SITC Việt Nam	51%	50%	6.096	51%	51%	6.164
Công ty Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam)	45%	45%	3.375	45%	45%	3.375
Công ty TNHH Dong Hong Logistic Đà Nẵng	49%	49%	1.082	49%	49%	913
Công ty TNHH Minh Toàn SAFI	50%	50%	175.694	49%	49%	173.186
Tổng cộng			186.248			183.640

– Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Tại ngày 31/12/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vinalines Logistic - Việt Nam (Mã CK: VLG)	1.500	540	(960)	1.500	570	(930)
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam (Mã CK: VSC)	-	-	-	51.460	75.571	-
Công ty TNHH New SITC Containers Việt Nam	467	-	-	467	-	-
Công ty TNHH SITC Bondex Việt Nam Logistics	120	-	-	120	-	-
Cộng	2.087	540	(960)	53.547	76.141	(930)

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023 của Công ty

- Trong năm, Công ty có thực hiện giao dịch bán 2.490.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam (Mã CK: VSC) cho nhà đầu tư khác theo phương thức khớp lệnh và thỏa thuận trên sàn HOSE, lãi từ bán khoản đầu tư này là 24,76 tỷ VND.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn vào Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vinalines Logistic Việt Nam (Mã CK: VLG) được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn UPCOM tại ngày 30/12/2022 và 29/12/2023.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chi tiêu	Năm 2022	Năm 2023	2023 s/v 2022
1	Tổng giá trị tài sản	996.424.236.673	890.867.347.912	89,41%
2	Doanh thu thuần	1.724.364.161.804	1.017.527.242.605	59,01%
3	Giá vốn hàng bán	1.483.128.539.756	841.327.445.086	56,73%
4	Lợi nhuận thuần từ HĐKD chính	267.620.030.527	126.931.339.680	47,43%
5	Lợi nhuận khác	(300.544.659)	922.044.953	N/A
6	Lợi nhuận trước thuế	267.319.485.869	127.853.384.633	47,83%
7	Lợi nhuận sau thuế	214.418.568.182	103.120.257.241	48,09%
8	LNST của Công ty mẹ	212.057.194.331	95.878.482.231	45,21%
9	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	83,32%	46,07%	55,62%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Khoản mục	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	2.77	3.69
- Hệ số thanh toán nhanh Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	Lần	2.55	3.39
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0.22	0.18
- Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	0.93	0.66
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	-	-	-
- Doanh thu thuần/tổng tài sản Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	1.73	1.14
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi			

Khoản mục	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023
- Hệ số LNST/doanh thu thuần (ROS)	%	12.43%	10.13%
- Hệ số LNST/vốn chủ sở hữu (ROE)	%	90.03%	43.30%
- Hệ số LNST/tổng tài sản (ROA)	%	21.52%	11.58%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	%	15.52%	12.47%

- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán: Hệ số thanh toán ngắn hạn luôn ở mức cao, tài sản ngắn hạn trên nợ ngắn hạn đạt 3.69 trong năm 2023, phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn như tiền mặt, hàng tồn kho hay các khoản phải thu để chi trả cho các khoản nợ ngắn hạn.
- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Hệ số nợ/tổng tài sản trong năm công ty đạt 0.18 và hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu đạt 0.66. Tỷ số nợ của công ty là rất thấp so với công ty cùng ngành và cùng quy mô hoạt động phản ánh việc sử dụng vốn vay rất hiệu quả. Tỷ số nợ càng thấp thì mức độ bảo vệ dành cho các chủ nợ càng cao.
- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động: Hệ số doanh thu /Tổng tài sản bình quân đạt 1.14, tuy thấp hơn so với cùng kỳ & cao hơn các công ty cùng ngành, phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản của công ty, chỉ số này càng cao cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp càng cao và ngược lại.
- Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi: ROS, ROE, ROA luôn đạt ở mức cao so với công ty cùng ngành, cùng quy mô.

5. Cơ cấu cổ đông/ thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

- + Phát hành cổ phiếu ESOP 2023 cho người lao động trong công ty:

Số lượng cổ phiếu phát hành: 1.071.000 cổ phiếu, tương đương 4,85% số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phát hành.

Hồ sơ đăng ký phát hành Công ty đã nộp cho UBCKNN trong tháng 12 năm 2023 và đang thực hiện các thủ tục pháp lý về hồ sơ theo quy định.

Dự kiến hoàn tất thủ tục phát hành cổ phiếu ESOP 2023 trong năm 2024.

- + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 23.816.046 cổ phiếu
- + Cổ phiếu quỹ: 1.730.012 cổ phiếu
- + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết: 22.086.034 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông: Danh sách chốt cổ đông ngày 22/02/2024 do VSDC cấp

Stt	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	-	0,00%	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	-	0,00%	-	-	-

Stt	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
	- Trong nước	-	0,00%	-	-	-
	- Nước ngoài	-	0,00%	-	-	-
3	Cổ đông lớn (sở hữu 5% vốn CP trở lên)	14.765.615	62,00%	3	2	1
	- Trong nước	13.272.000	55,73%	2	1	1
	- Nước ngoài	1.493.615	6,27%	1	1	-
4	Công đoàn Công ty	-	0,00%	-	-	-
	- Trong nước	-	0,00%	-	-	-
	- Nước ngoài	-	0,00%	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	1.730.012	7,26%	1	1	-
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	-	0,00%	-	-	-
7	Cổ đông khác	7.320.419	30,74%	1.302	32	1.270
	- Trong nước	6.557.843	27,54%	1.227	15	1.212
	- Nước ngoài	762.576	3,20%	75	17	58
	TỔNG CỘNG	23.816.046	23.816.046	100,00%	1.306	35
	Trong đó : - Trong nước - Nước ngoài	21.712.211	21.559.855	90,53%	1.230	17
		2.256.191	9,47%	76	18	58

c. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Các đợt phát hành cổ phiếu đã hoàn tất thủ tục trong năm: Không

d. **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không.

e. **Các chứng khoán khác:** nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán: Không có.

6. Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp. Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính. Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường và bảo vệ môi trường. Công ty luôn thực hiện quản lý rủi ro trực tiếp/ gián tiếp liên quan đến hoạt động phát thải nhà kính của mình để đảm bảo thành công lâu dài trong môi trường kinh doanh cạnh tranh, đồng thời để chuẩn bị tốt cho việc đáp ứng các chính sách về khí hậu của quốc tế, quốc gia hoặc khu vực. Với mục đích như quản lý rủi ro, giảm chi phí, bảo vệ thương hiệu và thu hút nguồn vốn đầu tư có trách nhiệm với xã hội.

6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Với quy trình khai thác kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải và hoạt động cung ứng logistic, công ty không sử dụng bất cứ nguyên vật liệu sản xuất nào khác ngoài yếu tố con người trong khâu quản lý, vận hành các máy móc thiết bị chuyên dùng trong ngành cho khâu xếp dỡ, lưu giữ hàng hóa. Tuy nhiên, trong quá trình lưu trữ hàng hóa tại cảng nếu có phát sinh hàng hóa không rõ nguồn gốc có chứa chất độc, gây hại đến thiên nhiên hay con người cũng sẽ phần nào tác động đến môi trường sống xung quanh và gây ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động trong công ty.

6.3 Tiêu thụ năng lượng

Công ty đã sử dụng các loại năng lượng như điện, xăng dầu với định mức và chi phí sử dụng hợp lý, phù hợp với giá vốn, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty. Việc sử dụng các loại nguyên liệu trên về lâu dài sẽ góp phần tạo ra khí độc lại cho môi trường. Ý thức được điều đó, toàn thể Công ty cũng như các đơn vị trực thuộc luôn đảm bảo việc sử dụng hợp lý, hạn chế lãng phí nguyên liệu và trong tương lai, Ban lãnh đạo Công ty sẽ tính toán và đề xuất chuyển sang sử dụng các nguồn năng lượng thân thiện với môi trường, bảo đảm việc khai thác hiệu quả và mở rộng thị trường kinh doanh.

6.4 Tiêu thụ nước

Việc tiêu thụ nước chỉ để phục vụ công tác quản lý, sinh hoạt tại văn phòng công ty và cung ứng lại cho các nhà thầu hoạt động tại địa bàn hoạt động của công ty, do đó chi phí phát sinh từ việc sử dụng tài nguyên này là không đáng kể.

6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty luôn tuân thủ pháp luật và các qui định của Nhà nước về môi trường
- Xử phạt vi phạm hành chính về môi trường: Không

6.6 Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng lao động năm 2023 là 372 người
- Mức thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty là 15.000.000 đồng/1 tháng. Đây là thu nhập tương đối cao so với các Công ty cùng ngành trong khu vực.
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: SAFI luôn đề cao lợi ích của người lao động và bảo vệ tối đa lợi ích của người lao động như tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội, có chế độ đãi ngộ tốt với những nhân viên lâu năm, tổ chức những buổi giao lưu gặp gỡ nhân viên trong công ty qua các sự kiện của năm như 8/3, trung thu, giáng sinh, tết niên...
- Hoạt động đào tạo người lao động: trong năm công ty cũng đã tổ chức một số buổi đào tạo nhằm phát triển kỹ năng và nghiệp vụ cho người lao động. Đồng thời luôn tạo điều kiện để người lao động có thể học chuyên sâu và nâng cao.

6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty xác định xây dựng văn hóa đề cao tính trách nhiệm với môi trường và cộng đồng. Trợ giúp các hoàn cảnh khó khăn trong xã hội, thực hiện các chương trình từ thiện là một trong những chương trình hành động vì sự phát triển bền vững của SAFI.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đánh giá kết quả hoạt động của công ty trong năm 2023.

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện so với kế hoạch 2023			So với năm 2022		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ Hoàn thành	Năm 2022	Năm 2023	Tăng giảm
1	Tổng doanh thu	1.500	1.017	68%	1.724	1.017	-41%
2	LNST của công ty mẹ	150	95,8	64%	212	95,8	-55%

- Tổng doanh thu đạt 1.017 tỷ đồng, đạt 68% kế hoạch năm và thấp hơn 41% so với cùng kỳ.
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 95,8 tỷ đồng, đạt 64% kế hoạch năm và thấp hơn 55% so với cùng kỳ.
- Kết quả kinh doanh trong năm của Công ty giảm so với kế hoạch do thị trường hàng hóa sụt giảm, giá cước hàng hóa, nhu cầu vận chuyển giảm mạnh, đặc biệt là nhu cầu vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không; Doanh thu tài chính giảm mạnh do giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu VSC.

Cơ cấu hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Hoạt động Logistic	Hoạt động Forwarding	Dịch vụ đại lý hãng tàu, hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
- Doanh thu hàng bán	660	324	32	1.017
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	124	46	5	176
- Tổng tài sản	456	224	22	890
- Tổng nợ phải trả	93	48	4	156

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023 của Công ty

Tổng doanh thu các mảng dịch vụ của công ty trong năm giảm 59% so với cùng kỳ, tổng doanh thu đạt 1.017 tỷ đồng, lợi nhuận đạt hơn 176 tỷ đồng. Chi tiết cơ cấu hoạt động các mảng dịch vụ như sau:

- Doanh thu Logistic đạt 660 tỷ đồng, dịch vụ Logistic luôn đem lại lợi nhuận ổn định hàng năm của công ty. Tỷ trọng doanh thu Logistic chiếm 65% tổng doanh thu và tỷ suất lợi nhuận chiếm 19% trong cơ cấu tổng lợi nhuận.
- Doanh thu Forwarding đạt 324 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 32 % trên tổng doanh thu, Lợi nhuận gộp đạt hơn 46 tỷ đồng, chiếm 14% tổng lợi nhuận.
- Doanh thu Dịch vụ đại lý hãng tàu, hoạt động khác là 32 tỷ đồng, tuy tỷ trọng trên tổng doanh thu chỉ chiếm 3% nhưng tỷ suất lợi nhuận đạt 16% ~5 tỷ đồng.

2. Tình hình tài chính Công ty đến thời điểm 31/12/2023

a. Tình hình tài sản

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm	Tỷ lệ tăng giảm
1	Tài sản ngắn hạn	611.195.454.908	576.694.622.832	94%
2	Tài sản dài hạn	385.228.781.765	314.172.725.080	82%
	Tổng cộng	996.424.236.673	890.867.347.912	

- Tài sản ngắn hạn đạt 576 tỷ đồng, giảm 6% so với đầu năm, TS ngắn hạn giảm chủ yếu từ tiền và các khoản phải thu giảm so với năm trước.
- Tài sản dài hạn là 314 tỷ đồng, giảm 18% so với đầu năm. TS dài hạn giảm chủ yếu từ Đầu tư góp vốn.

b. Tình hình công nợ

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm	Tỷ lệ tăng giảm
1	Nợ ngắn hạn	220.502.766.046	156.096.662.712	71%
2	Nợ dài hạn	-	91.160.000	-
	Tổng cộng	220.502.766.046	156.187.822.712	

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Nợ ngắn hạn giảm mạnh ~ 29% chủ yếu là các khoản phải trả người bán ngắn hạn và các khoản phải trả ngắn hạn khác. Nợ dài hạn cuối kỳ là 91 triệu đồng.
- Ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ vận tải, logistic... nên bị ảnh hưởng bởi chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái, chênh lệch lãi vay, tuy nhiên Ban điều hành Công ty luôn xây dựng các chính sách, chiến lược kinh doanh và luôn bám sát tình hình thị trường để có những quyết sách phù hợp để hoạt động kinh doanh luôn đạt hiệu quả cao. Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị...

Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối
đoái do đánh giá lại các khoản
mục tiền tệ có gốc ngoại tệ
(VND)

Năm 2022
(745.673.719)

Năm 2023

-

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:

SAFI luôn xác định nguồn nhân lực là yếu tố then chốt quyết định sự phát triển và thành công, do đó trong năm Công ty đã tái cơ cấu bộ máy quản lý, xây dựng các kế hoạch tài chính, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, triển khai các định hướng quản trị

tập trung các hoạt động chức năng hỗ trợ sản xuất kinh doanh như tài chính, nhân sự, tiền lương, quản lý rủi ro, pháp chế... để tích hợp, phát huy sức mạnh chung mang lại hiệu quả tối ưu và đúng định hướng chiến lược phát triển chung của Công ty.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Với mục tiêu trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam về phát triển hạ tầng kho bãi, tiếp vận và logistics, Công ty đã và đang xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên một cách chuyên nghiệp. Xác định đội ngũ nhân lực là sức mạnh cốt lõi, đặc biệt chú trọng đến nguồn nhân lực ngay từ những bước tuyển chọn đầu tiên, Công ty đã tập hợp được 1 đội ngũ nhân viên năng động, bản lĩnh, được đào tạo tại các trường đại học danh tiếng trong và ngoài nước, dày dặn kinh nghiệm. Ngoài ra, Công ty còn luôn chú trọng đầu tư nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ nhân viên, đề cao đạo đức nghề nghiệp, nhằm đạt được tối đa sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng.

4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

- Kiểm soát chặt chẽ đầu vào lẫn đầu ra của các sản phẩm lưu thông qua kênh của công ty, tránh xảy ra các trường hợp lưu giữ hàng hoá không rõ nguồn gốc, có tồn tại những yếu tố có thể gây hại đến môi trường.
- Công tác phòng cháy chữa cháy được đảm bảo, nhằm bảo vệ an toàn cho hàng hoá và con người.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- SAFI luôn thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song với đó cần phải đáp ứng được những yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí điều hành quan trọng, công ty đưa ra các yêu cầu tuyển dụng khá gắt gao, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.
- Công ty luôn xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng của từng ngành nghề hoạt động, trình độ, năng lực công việc của từng người và đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh việc tập trung phát triển sản xuất kinh doanh, chăm lo đời sống cho người lao động, công ty còn chú trọng đến các hoạt động trợ giúp cộng đồng, coi đó là nét đẹp trong văn hoá của công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Trong năm 2023, HĐQT đã đề ra phương hướng hoạt động, chính sách phát triển kinh doanh của công ty trên cơ sở Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCĐCD/SAFI-2023 ngày 31/03/2023. HĐQT luôn chủ động nắm bắt kịp thời các diễn biến của kinh tế trong nước và thế giới, phân tích, đánh giá những khó khăn, thuận lợi cũng như những cơ hội và thách thức để kịp thời đưa ra những quyết sách đúng đắn và hiệu quả trong hoạt động

SXKD, thường xuyên giám sát, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt nhiệm vụ thông qua các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

- Về hoạt động kinh doanh của công ty, HĐQT luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường và bảo vệ môi trường cũng như tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường, hoạt động xã hội từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, xoá đói giảm nghèo, hỗ trợ cho các hộ gia đình gặp khó khăn, chia sẻ trách nhiệm cộng đồng, xã hội.
- Các Nghị quyết/ quyết định của Hội đồng quản trị đã ban hành trong năm:

Stt	Số Nghị quyết / Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT-2023	13/01/2023	Tạm ứng cổ tức bằng tiền (đợt 2) năm 2022	5/5
2	02/NQ-HĐQT-2023	01/02/2023	Ngày ĐKCC để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2023 của CTCP Đại lý Vận tải Safi	5/5
3	03/NQ-HĐQT-2023	14/04/2023	Triển khai thực hiện chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 theo NQ ĐHĐCĐ ngày 31/03/2023 của Công ty và ngày ĐKCC nhận cổ tức 2022	5/5
4	04-2023/NQ-HĐQT	01/06/2023	Thay đổi nhân sự CTCP Đại lý Vận tải Safi	5/5
5	05/NQ-HĐQT-2023	03/08/2023	Sơ kết hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023 và kế hoạch thực hiện 6 tháng cuối năm 2023	5/5
6	06/NQ-HĐQT-2023	29/12/2023	Triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu ESOP 2023 của Công ty	5/5

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty
 - HĐQT luôn chủ động nắm bắt kịp thời các diễn biến của kinh tế trong nước và thế giới, phân tích, đánh giá những khó khăn, thuận lợi cũng như những cơ hội và thách thức để kịp thời đưa ra những quyết sách đúng đắn và hiệu quả trong hoạt động SXKD, thường xuyên giám sát, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt nhiệm vụ thông qua các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
 - Từng thành viên HĐQT đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được phân công. Thường xuyên giám sát công việc điều hành của Tổng Giám đốc, trao đổi nắm bắt thông tin, thực hiện tốt vai trò quản trị, phát triển mở rộng thị trường, đầu tư cơ sở vật chất, hợp tác quốc tế, phát triển nguồn nhân lực.

3. Các kế hoạch định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024:

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024
1	Doanh thu	1.017 tỷ đồng	950 tỷ đồng
2	LNST công ty mẹ	95 tỷ đồng	60 tỷ đồng
3	Tỷ lệ chi trả cổ tức	20%	15%

Vấn đề khác:

- HĐQT quyết định việc đầu tư, thoái vốn tại các công ty khi có nhu cầu về vốn cho đầu tư và trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn.
- Hợp tác chặt chẽ cùng các đối tác cùng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty liên doanh.
- Tìm kiếm, hợp tác khai thác các cơ hội kinh doanh khác khi có điều kiện phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Khai thác nguồn lực từ các cổ đông trong hợp tác dịch vụ, phát triển khách hàng, tăng cường nhân sự có kinh nghiệm, tạo ra nguồn phát triển dịch vụ mới.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ cp sở hữu
1	Nguyễn Hoàng Dũng	Chủ tịch HĐQT	5,34%
2	Nguyễn Hoàng Anh	Phó Chủ tịch HĐQT (kiêm TGD/Người QTCT)	4,20%
3	Đặng Trần Phúc	Ủy viên HĐQT (không điều hành)	0,95%
4	Nguyễn Hải Nguyên	Ủy viên HĐQT (độc lập)	1,49%
5	Nguyễn Trường Nam	Ủy viên HĐQT (độc lập)	0,00%

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty không thành lập tiểu ban.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

HĐQT đã tổ chức các cuộc họp HĐQT định kỳ và HĐQT mở rộng bằng nhiều hình thức để thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ. Các cuộc họp của HĐQT đều có sự thống nhất của các thành viên, thông qua các kế hoạch và các báo cáo kết quả kinh doanh hàng quý, 6 tháng và cả năm, giải quyết các vấn đề về hoạt động kinh doanh, phát triển thị trường, triển khai công tác đánh giá từng bước các kết quả đạt được theo định hướng chiến lược về phát triển kinh doanh trong năm.

d. **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành**

Công ty có một thành viên HĐQT độc lập không điều hành, giữ vai trò là thành viên giám sát, phản biện khi cần thiết đối với các hoạt động của HĐQT, nhằm đảm bảo HĐQT hoạt động theo đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, phù hợp các chủ trương, định hướng đã đề ra của ĐHĐCĐ, HĐQT và các thông lệ quản lý hiện đại.

2. **Ban Kiểm soát**

a. **Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ CP nắm giữ
1	Nhữ Đình Thiện	Trưởng Ban	1,30%
2	Dương Quang Thoại	TV BKS	0,00%
3	Trần Thị Ngọc Đào	TV BKS	0,00%

b. **Hoạt động của Ban kiểm soát**

- Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 của Công ty; đồng thời đánh giá toàn diện công tác quản lý của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty, Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào gây hại cho công ty trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty.
- Các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, đúng định hướng phát triển và đổi mới của Công ty. Các cuộc họp do HĐQT triệu tập đều có đầy đủ các thành viên HĐQT và BKS tham dự và thực hiện đúng trình tự, đúng quy chế, phù hợp với Điều lệ Công ty;
- Nội dung các cuộc họp chủ yếu tập trung bàn về thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, thực hiện các chiến lược phát triển Công ty. Tài liệu họp được chuẩn bị chu đáo, thời gian, địa điểm đúng theo giấy mời họp;
- HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty;
- Hội đồng quản trị công ty đã có những định hướng mang tính đột phá, năng động, dự báo thị trường và đề ra những chính sách hoạt động Công ty đạt hiệu quả cao, tình hình tài chính lành mạnh, hoạt động kinh doanh, đầu tư luôn ổn định bền vững.

3. **Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT - Ban TGD - BKS**

a. **Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

- Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát:

		<i>Đơn vị tính: đồng</i>	
		Năm 2022	Năm 2023
Ông Nguyễn Hoàng Dũng	Chủ tịch HĐQT - Giám đốc Điều hành	1.086.254.000	1.015.410.000
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Phó chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc	1.142.500.000	1.041.410.000

Ông Đặng Trần Phúc	Thành viên HĐQT	793.000.000	802.000.000
Ông Nguyễn Hải Nguyên	Thành viên HĐQT	450.000.000	481.410.000
Ông Nguyễn Trường Nam	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Nhữ Đình Thiện	Trưởng BKS	-	-
Ông Dương Quang Thoại	TV BKS	-	-
Bà Trần Thị Ngọc Đào	TV BKS	-	-

- Số lượng cổ phiếu nhận được trong năm của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
Ông Nguyễn Hoàng Dũng Chủ tịch HĐQT - Giám đốc Điều hành	449.000	-	Cổ tức bằng cổ phiếu/ ESOP
Ông Nguyễn Hoàng Anh Phó chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc	1.086.708	-	Cổ tức bằng cổ phiếu/ ESOP
Ông Đặng Trần Phúc Thành viên HĐQT	85.200	-	Cổ tức bằng cổ phiếu/ ESOP
Ông Nguyễn Hải Nguyên Thành viên HĐQT	154.500	-	Cổ tức bằng cổ phiếu/ ESOP
Ông Nhữ Đình Thiện	103.500	-	Cổ tức bằng cổ phiếu
Ông Dương Quang Thoại	-	-	
Bà Trần Thị Ngọc Đào	-	-	

- Các khoản lợi ích khác: Không có

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

c.

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Hoàng Anh	HĐQT	2.056.708	8.64%	1,000,000	4.20%	Bán

- d. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

- e. Các giao dịch các bên liên quan phát sinh trong năm:

Đơn vị tính: đồng

	Năm 2022	Năm 2023
Doanh thu cung cấp dịch vụ	961.500.000	-
<i>Công ty TNHH SITC Việt Nam</i>	961.500.000	-
Mua hàng hóa, dv	12.103.643.758	5.153.558.467
<i>Công ty TNHH SITC Việt Nam</i>	11.693.719.566	4.846.090.731
<i>Công ty TNHH Minh Toàn SAFI</i>	409.924.192	307.467.736
Doanh thu tài chính (Cổ tức được chia)	2.255.171.868	2.277.686.927
<i>Công ty TNHH SITC Việt Nam</i>	2.255.171.868	2.277.686.927

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán cho năm tài chính 2023 của Công ty.

2. Ý kiến kiểm toán:

a. Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

b. Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Xem phụ lục: Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Hoặc website :www.safi.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HOÀNG ANH